

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: XÃ HỘI HỌC
MÃ SỐ: 7310301

*(Ban hành theo Quyết định số :4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Xã hội học
 - + Tiếng Anh: Sociology
- **Mã số ngành đào tạo:** 7310301
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Xã hội học
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Sociology
- **Đơn vị đào tạo:** Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân Xã hội học có kiến thức, tư duy xã hội học vững chắc, có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể đảm nhận các công việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức giáo dục, văn hóa, khoa học, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, cơ sở cung cấp dịch vụ công; có năng lực tạo dựng việc làm cho bản thân; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

Vận dụng được kiến thức về khoa học Lý luận chính trị trong các hoạt động nghiệp vụ và nghiên cứu;

Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1 tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gồm ngữ pháp và 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết).

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu;

Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu;

Ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

1.3. Kiến thức khối ngành

Vận dụng được hệ thống tri thức cơ bản của nhân học, tôn giáo học, tâm lý học, khoa học quản lý, khoa học chính trị, báo chí trong hoạt động thực tiễn và trong nghiên cứu khoa học.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

Vận dụng được hệ thống tri thức cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội, công tác xã hội, chính sách xã hội, phát triển cộng đồng, truyền thông đại chúng, tôn giáo tín ngưỡng trong hoạt động thực tiễn và trong nghiên cứu khoa học.

1.5. Kiến thức ngành

Vận dụng được hệ thống tri thức xã hội học để nhận diện, phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội ;

Đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội trong các lĩnh vực nông thôn và đô thị; văn hóa và giáo dục; kinh tế và chính trị; dân số và môi trường; luật pháp và tội phạm; giới, gia đình và an sinh xã hội;

Vận dụng được phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và các công cụ thu thập, xử lý thông tin khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng để xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu xã hội học;

Vận dụng được ba loại hình nghiên cứu gồm: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu can thiệp.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

Thiết kế được các đề tài nghiên cứu xã hội học, tổ chức và trực tiếp thực hiện được các đề tài nghiên cứu xã hội học một cách trọn vẹn từ xác định vấn đề nghiên cứu đến xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu;

Vận dụng được các kỹ năng để thực hiện điền dã nhằm thu thập dữ liệu trên thực địa. Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu định tính và định lượng;

Có kỹ năng thu thập thông tin, tổng hợp tài liệu, thuyết trình, phản biện và tư vấn.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

Vận dụng được kỹ năng làm việc động lập, kỹ năng làm việc nhóm và thích nghi trong môi trường làm việc biến động và đa văn hóa;

Có kỹ năng khai thác, tìm kiếm thông tin trên các cơ sở dữ liệu khác nhau (thư viện, Internet,...) và lưu trữ thông tin, sử dụng máy tính;

Có kỹ năng tổng hợp, phân tích để viết tổng quan các tài liệu khoa học;

Có khả năng phát hiện vấn đề khoa học, sự kiện khoa học và trình bày vấn đề khoa học;

Có khả năng kết nối nguồn lực và phát huy hiệu quả vai trò của mạng lưới xã hội trong hợp tác nghiên cứu và làm việc.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

Có ý thức vượt khó, tinh thần cầu thị, thái độ thân thiện, chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo, chủ động, tự tin trong công việc, tác phong chuyên nghiệp và trách nhiệm với công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Tin tưởng vào tri thức khoa học, tuân thủ nghiêm túc các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực xã hội học.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Thượng tôn luật pháp, tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng và bảo vệ những giá trị văn hóa (truyền thống và hiện đại) của dân tộc;

Có lòng tự tôn dân tộc, có ý thức về trách nhiệm công dân, có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh;

Nhận thức và ý thức đúng đắn về các vấn đề xã hội, tôn trọng các giá trị và chuẩn mực đạo đức xã hội, có thái độ, lời nói và hành vi chuẩn mực.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong quá trình nghiên cứu xã hội học hoặc triển khai các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực xã hội học;

Hướng dẫn, giám sát những người khác trong quá trình hoạt động thực tiễn hoặc nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực xã hội học;

Tự định hướng, đưa ra được kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong quá trình hoạt động thực tiễn hoặc nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực xã hội học;

Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thực tiễn và hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực xã hội học.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Làm công tác hành chính, tư vấn, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Làm công tác hành chính, tư vấn, quản lý trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau;

Làm công tác nghiên cứu, giảng dạy ở các trường, trung tâm, viện nghiên cứu;

Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

Làm phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông;

Làm nhân viên xã hội học trong các tổ chức xã hội.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Học xong chương trình cử nhân sinh viên có thể học tiếp chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học ở nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

137 tín chỉ

Khối kiến thức chung (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh*):

16 tín chỉ

- Khối kiến thức theo lĩnh vực:

29 tín chỉ

+ *Bắt buộc*

23 tín chỉ

+ *Tự chọn*

6/18 tín chỉ

- Khối kiến thức theo khối ngành:

27 tín chỉ

+ *Bắt buộc*

18 tín chỉ

+ *Tự chọn*

9/33 tín chỉ

- Khối kiến thức của nhóm ngành:

15 tín chỉ

+ *Bắt buộc*

9 tín chỉ

+ *Tự chọn*

6 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành:

50 tín chỉ

+ *Bắt buộc*

28 tín chỉ

+ *Tự chọn*

9/27 tín chỉ

+ *Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:*

13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không bao gồm học phần 7 và 8)	16				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6		Ngoại ngữ B1	5	20	35	20	
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	FLF1407	Tiếng Trung B1	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất	4				
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	29				
II.1		Các học phần bắt buộc (không bao gồm học phần 17)	23				
9	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
10	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
11	PSY1051	Tâm lý học đại cương	3	30	15		
12	PHI1054	Logic học đại cương	3	33	12		
13	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
15	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
16	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17		Kỹ năng bổ trợ	3				
II.2		Các học phần tự chọn	6/18				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		
III		Khối kiến thức theo khối ngành	27				
III.1		Các học phần bắt buộc	18				
27		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân	4	16	40	4	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		văn 1					
	FLH1156	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
28		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	
	FLH1157	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1155
	FLH1158	Tiếng Trung cho khoa học xã hội và nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1156
29	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
30	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	39	6		
31	SOC1101	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	3	39	6		
III.2		Các học phần tự chọn	9/33				
32	SOW1101	Dân số học đại cương	3	39	6		
33	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
34	REL1100	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
35	PSY2023	Tâm lý học xã hội	3	30	15		PSY1051
36	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
37	ARO1160	Các lý thuyết quản trị	3	39	6		
38	POL1052	Chính trị học đại cương	3	36	9		
39	MNS1100	Khoa học quản lý đại cương	3	36	9		
40	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	30	15		
41	VNS1108	Nhập môn Việt Nam học và Khu vực học	3	36	9		
42	ORS2005	Văn hóa, văn minh phương Đông	3	36	9		
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	15				
IV.1		Các học phần bắt buộc	9				
43	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	39	6		
44	SOC3009	Xã hội học quản lý	3	36	9		SOC1051
45	SOC1151	Chính sách xã hội	3	36	9		
IV.2		Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):	6				
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12</i>				
46	SOC3055	Xã hội học tôn giáo	3	36	9		SOC1051
47	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	30	15		
48	SOC3056	Xã hội học khoa học và công nghệ	3	36	9		SOC1051
49	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	36	9		
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/18</i>				
50	PSY1150	Tâm lý học phát triển	3	30	15		PSY1051

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
51	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	39	6		SOW1100
52	ANT1150	Các phương pháp nghiên cứu nhân học	3	35	10		ANT1100
53	MNS2065	Khoa học chính sách	3	36	9		
54	ITS3121	Các vấn đề toàn cầu	3	30	15		
55	REL1101	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
V		Khối kiến thức ngành	50				
V.1		Các học phần bắt buộc	28				
56	SOC3057	Lý thuyết xã hội học	4	45	15		SOC1051
57	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	45	15		SOC1051
58	SOC3008	Xã hội học giới	3	36	9		SOC1051
59	SOC3007	Xã hội học gia đình	2	26	4		SOC1051
60	SOC3042	Xã hội học nông thôn	3	36	9		SOC1051
61	SOC3058	Xã hội học đô thị	3	36	9		SOC1051
62	SOC3011	Xã hội học dân số	3	36	9		SOC1051
63	SOC3015	Xã hội học môi trường	2	26	4		SOC1051
64	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	26	4		SOC1051
65	SOC3012	Xã hội học giáo dục	2	26	4		SOC1051
V.2		Các học phần tự chọn	9/27				
66	SOC3059	Xã hội học thanh niên	3	36	9		SOC1051
67	SOC3051	Xã hội học kinh tế	3	36	9		SOC1051
68	SOC3060	Xã hội học chính trị	3	36	9		SOC1051
69	SOC3061	Xã hội học du lịch	3	36	9		SOC1051
70	SOC3062	Xã hội học sức khỏe	3	36	9		SOC1051
71	SOC3052	Xã hội học pháp luật và tội phạm	3	36	9		SOC1051
72	SOC3044	Xã hội học tổ chức và quản lý nguồn nhân lực	3	36	9		SOC1051
73	SOC3063	Xã hội học cộng đồng	3	36	9		SOC1051
74	SOC4054	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển	3	36	9		SOC1051
V.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	13				
75	SOC4055	Thực tập phương pháp	5	5	40	30	SOC3040/ SOC3057
76	SOC4052	Thực tập tốt nghiệp	3	5	25	15	SOC4055
77	SOC4053	Khóa luận tốt nghiệp	5				SOC4055
		<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	5				
78	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu xã hội học	3	36	9		SOC3040/ SOC3057

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
79	SOC4058	Lý thuyết xã hội học kinh điển	2	26	4		SOC3040/ SOC3057
Tổng cộng			137				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.